

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÁ THƯỚC  
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày 26 - 5- 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thảo
2. Ông Cao Xuân Bằng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST - DS ngày 21/03/2022 về vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐXX-ST ngày 10/05/2022 giữa;

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H ; Sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ Gi , xã Đ L , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:* Chị Hà Thị Đ ; Sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T , xã Đ L , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên chị Đ có vay tiền của chị H nhiều lần. Ngày 03/11/2019 hai bên chốt nợ với nhau bằng “giấy vay tiền” có nội dung:

“*Hà Thị Đ , chỗ ở hiện nay thôn T , Đi L B T c. Hôm nay ngày 13/11/2019 (duyệt). Tôi có vay số tiền của ông bà H -Tr g Đ G g, Đ L – B T c*

số tiền 285.000.000đ -30.000.000đ=255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng)” là chữ viết tay của chị Đ viết vào mẫu giấy vay tiền.

Trong giấy vay tiền ngày 03/11/2019 không ghi lãi suất và thời hạn trả lãi nhưng thực tế hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi 1%/tháng trả vào ngày 03 hàng tháng nhưng chị Đ thường cuối tháng mới trả lãi. Chị Đ đã trả lãi theo thỏa thuận cho chị H hết năm 2020 và năm 2021 chị Đ trả được 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Nhiều lần chị H hỏi nợ chị Đ không trả. Đến ngày 29/5/2021 chị H có viết lại giấy vay tiền với nội dung:

“Hôm nay, ngày 03/11/2019. Tại nhà ông bà H T g. Bên cho vay là Nguyễn Xuân Tr g-Phạm Thị H , chỗ ở hiện nay Di G g-Đ L –B T Bên vay là Hà Thị Đ chỗ ở hiện nay: Thôn T Đ L –B T c. Số tiền vay 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng)”. Thời hạn vay 03-05-2020, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng(12%/năm). Thời điểm thanh toán lãi ngày mùng 03 hàng tháng, thời điểm thanh toán gốc là ngày 03/5/2020” là chữ viết của chị H có chữ ký và điểm chỉ của chị Đ .

Nay chị H khởi kiện yêu cầu chị Đ trả toàn bộ tiền gốc là 255.000.000đ, lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/01/2021 đến 01/05/2022 trừ đi 7.500.000đ đã trả lãi trong năm 202. Tiền lãi còn thiếu đến thời điểm xét xử là  $[(255.000.000đ \times 1\%) \times 17 \text{ tháng}] - 7.500.000đ = 43.350.000đ - 7.500.000đ = 35.850.000đ$ . Tổng cả gốc và lãi là 290.850.000đ. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn: Chị Hà Thị Đ công nhận là chỗ quen biết nên chị có vay tiền của chị H nhiều lần đến ngày 03/11/2019 hai bên chốt nợ thỏa thuận lại và viết giấy vay tiền do chị Hà Thị Đ viết có nội dung “Hà Thị Đ, chỗ ở hiện nay thôn T Đ L, BTc. Hôm nay ngày 03/11/2019 (duyệt). Tôi có vay số tiền của ông bà H g – Tr g Đ Gi , xã Đ L – B T c số tiền 285.000.000đ -30.000.000đ = 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng)”. Giấy vay tiền ngày 03/11/2019 không ghi lãi suất và thời hạn trả lãi nhưng có thỏa thuận miệng với nhau lãi 1%/tháng, chị đã trả lãi theo thỏa thuận cho chị H hết năm 2020 và năm 2021 chị Đ trả được 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi hai bên chưa ngồi cộng với nhau. Nhiều lần chị H hỏi nợ chị Đ chưa có. Đến ngày 29/5/2021 chị H có viết lại giấy vay tiền nội dung vẫn ghi lại là ngày 03/11/2019.

Chị Đ có ký và điểm chỉ vào giấy vay tiền chị H viết lại vào ngày 29/5/2021 thì tối ngày 29/5/2021 chị Đ có gọi điện cho chị H khát nợ đến năm 2027 nhưng chị H không đồng ý.

Nay chị H khởi kiện, chị Đ xin khát nợ đến 01/11/2022 chị trả toàn bộ tiền lãi còn tiền gốc cho chị Đ khát đến 2027 trả dần vì hiện nay chị đang ốm đau, khó khăn chông chất.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chị Đ phải trả toàn bộ tiền gốc là 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử 26/5/2022 trừ đi 7.500.000đ chị Đ đã trả lãi của năm 2021.

$[(255.000.000 \times 1\%) \times 17 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}] - 7.500.000\text{đ} (43.350.000\text{đ} + 2.125.000\text{đ}) - 7.500.000\text{đ} = 37.975.000\text{đ}$ . Tổng cả gốc và lãi là 292.975.000đ. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa chị Đ công nhận nợ tiền của chị H số tiền gốc chốt nợ là 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) lãi thỏa thuận 1%/tháng đã trả lãi hết năm 2020 và năm 2021 trả được 7.500.000đ. Nay khó khăn nên chị Đào xin được trả dần. Chị Đ o có xuất trình giấy chứng nhận hộ nghèo và xin miễn toàn bộ án phí.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử thẩm phán, thư ký và HĐXX tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng và ban hành các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung giải quyết vụ án căn cứ: Các 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả toàn bộ tiền gốc và lãi khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn được miễn án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Quan hệ pháp luật*: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

[3] *Về nội dung vụ án*: Đây là hợp đồng vay (tiền mặt) không có thời hạn và có lãi.

Đối với giấy vay tiền ngày 03/11/2019 do chữ viết của chị Hà Thị Đ có nội dung: *Hà Thị Đ o, chỗ ở hiện nay thôn T , Di L , B T Hôm nay ngày*

13/11/2019(duong). Tôi có vay số tiền của ông bà H –T Đ G , Điền L - B T số tiền 285.000.000đ -30.000.000đ=255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) ”.

Các đương sự không khiếu nại gì về giấy vay tiền viết ngày 03/11/2019. Đây là một thỏa thuận về Hợp đồng vay không thời hạn và các đương sự đều công nhận thỏa thuận miệng 1%/tháng, trả lãi vào ngày 03 hàng tháng.

Chị Đ trả lãi hết năm 2020, năm 2021 chị Đào trả được 7.500.000đ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Chị H yêu cầu tính lãi từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày xét xử 26/5/2022 trừ đi số tiền lãi năm 2021 chị Đào đã trả là 7.500.000đ. Với mức lãi là 1%/tháng phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi chưa trả đến thời điểm xét xử là ngày 26/5/2022 là:

[ (255.000.000đ x 1%) x17 tháng 25 ngày ] -7.500.000đ =45.475.000đ-7.500.000đ =37.975.000đ.

Tổng cả gốc và lãi là 292.975.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Là có căn cứ chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ khi đến hạn”. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự

Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên nguyên, bị đơn tại phiên tòa xuất trình giấy chứng nhận hộ cận nghèo và xin miễn toàn bộ án phí. HĐXX miễn án phí cho bị đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 327.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Căn cứ áp dụng:**

- Căn cứ áp dụng: Các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H**

Về yêu cầu khởi kiện chị Hà Thị Đ trả toàn bộ số tiền gốc là 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu tính lãi từ 01/01/2021 đến ngày xét xử 26/5/2022 trừ đi số tiền lãi đã trả trong năm 2021 là 7.500.000đ.

$[(255.000.000đ \times 1\%) \times 17 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}] - 7.500.000đ = 37.975.000đ$  ( Ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là 292.975.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**3. Buộc chị Hà Thị Đ có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị Hương tiền gốc là 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).**

Tiền lãi là  $[(255.000.000đ \times 1\%) \times 17 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}] - 7.500.000đ = 37.975.000đ$  ( ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là 292.975.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**4. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ:** Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

**5. Về án phí:** Chị Hà Thị Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự của số tiền phải trả nợ (vì chị Đ thuộc hộ cận nghèo).

Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Phạm Thị H là 7.177.000đ (Bảy triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008553 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

**6. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có mặt chị Phạm Thị Hương và chị Hà Thị Đào, chị Hương và chị Đào có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện BT
- .....
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Trần Thị Quyên***

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Lê Thị Thảo*

*Cao Xuân Bằng*

*Trần Thị Quyên*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Phạm Thị Yến      Nguyễn Văn Đàn*

*Trần Thị Quyên*